

BÁO CÁO PHÂN TÍCH CỔ PHIẾU:

Nước Sài Gòn - TRI

Ngành: Sản xuất đồ uống

SƠ LƯỢC DOANH NGHIỆP

Tribeco thành lập năm 1992, trong đó, vốn nhà nước do Foodexco góp chiếm 51%, năm 1999 Nhà nước chuyển nhượng toàn bộ vốn góp, năm 2001 Tribeco chuyển sang hình thức công ty cổ phần. VDL hiện tại của Công ty là 75,483,600,000 đồng. Sản phẩm chính của Tribeco bao gồm mặt hàng nước giải khát có gas và nước giải khát không có gas đựng trong bao bì chai thủy tinh hoàn lại, chai PET, lon, hộp giấy và bịch giấy Tetra Park, bình inox mang các nhãn hiệu Tribeco, TriO, Trimilk, Somilk, Watamin và JenO. Tribeco có chiến lược phát triển sản phẩm theo hai hướng: đẩy mạnh phát triển sản phẩm nước giải khát không gas như sữa đậu nành, trà cóc, trà đào, trà chanh, sữa đậu nành cacao; đồng thời duy trì tốc độ phát triển sản phẩm nước giải khát truyền thống có gas. Thị trường chủ yếu của Công ty nước giải khát Sài Gòn Tribeco là thị trường nội địa tập trung tại TP. HCM và Đồng Bằng Đông Nam Bộ. Sản phẩm của công ty được phân phối thông qua hệ thống các đại lý cấp 1, cấp 2, các nhà buôn bán lẻ, phân phối trực tiếp cho các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp, trường học, siêu thị, bệnh viện, các điểm vui chơi giải trí lớn của TP. HCM. Ngoài ra Công ty còn xuất khẩu trực tiếp sản phẩm sang Hoa Kỳ, Ấn Độ, Campuchia và xuất khẩu gián tiếp sang Hà Lan, Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu: Sở hữu NN: 0.0(%); Sở hữu khác: 54.5(%)

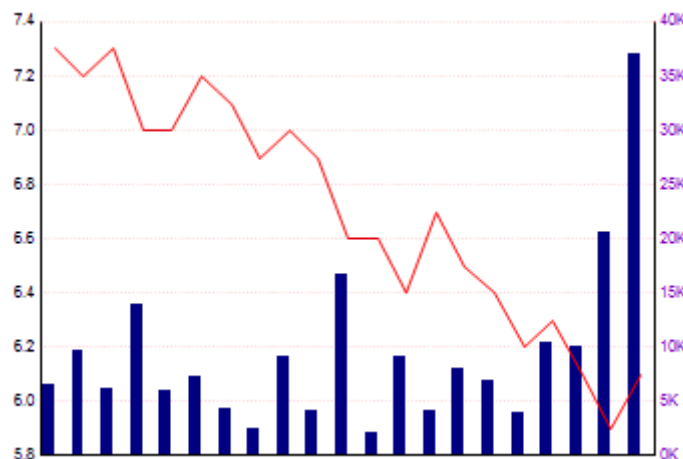
CÁC CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG		
Chỉ tiêu:	TRI	Ngành
Ngày niêm yết:	28/12/2001	5(mã)
Số CPLH hiện tại (cp):	27,548,360	54.573.570
Vốn hóa (tỷ đồng):	162,54	718,71
EPS (4 Quý gần nhất):	-1.394	816
Giá trị sổ sách:	2.073	8.562
P/E (18/10/10)	-4.23	18,62
P/B (18/10/10)	2,8	1,54

Giá mục tiêu:

Khuyến nghị: Không đầu tư

Giá tham chiếu ngày (18/10/10):

5.900



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TỶ ĐỒNG)

Chỉ tiêu	2008	2009	4 quý gần nhất
Doanh thu thuần	580,60	572,75	601,49
Tăng trưởng (%)	97,63	-1,35	5,02
Giá vốn hàng bán	-455,19	-457,89	-501,96
Tỷ lệ lãi gộp (%)	21,60	20,05	16,55
Chi phí hoạt động	-184,31	-182,58	-181,77
Lợi nhuận sau thuế	-144,99	-86,18	-41,69
Tăng trưởng (%)	-1.768,89	-40,56	-51,63
Tổng tài sản	317,11	375,17	341,29
Tăng trưởng (%)	-51,29	18,31	-9,03
Nợ phải trả	322,37	312,42	284,19
Vốn điều lệ	75,48	275,48	275,48
Vốn chủ sở hữu	-5,25	62,75	57,11

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Khả năng thanh toán:	ĐVT	2007	Ngành	2008	Ngành	2009	Ngành	4Q	Ngành
Thanh toán hiện hành:	Lần	0,95	1,14	0,55	0,72	0,48	0,70	0,49	0,64
Thanh toán nhanh:	Lần	1,07	1,37	0,72	1,00	0,74	0,97	0,72	0,90
2. Cấu trúc vốn:									
Nợ / Tổng tài sản:	Lần	0,7	0,58	1,00	0,61	0,82	0,52	0,93	0,61
Nợ / Vốn chủ sở hữu:	Lần	3,27	1,48	-61,37	1,59	4,98	1,09	16,23	1,59

P/E thị trường ngày (18/10/10):	10,26
Thị giá thị trường ngày (18/10/10):	5.900
Giá cao nhất từ đầu năm 2010:	13,200
Giá thấp nhất từ đầu năm 2010:	5,800
Khối lượng bình quân/phiên trong 01tháng:	11,095

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH KINH DOANH

Trong Q2, công ty đạt 195,8 tỷ đồng doanh thu thuần. Lợi nhuận gộp đạt 24,82 tỷ đồng. Doanh thu hoạt động tài chính trong quý đạt 73,816 tỷ đồng.

Theo thuyết minh báo cáo tài chính, doanh thu tài chính ghi nhận trong kỳ khiến lợi nhuận tăng là do:

+ Công ty chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty con là Tribeco Miền Bắc với giá trị đầu tư ban đầu là 40 tỷ đồng (tương ứng 80% vốn), mang lại lợi nhuận 27,658 tỷ đồng.

+ Chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty liên kết là Tribeco Bình Dương với giá trị 97,5 tỷ đồng (tương đương 30%), lợi nhuận thu lại là 44,66 tỷ đồng.

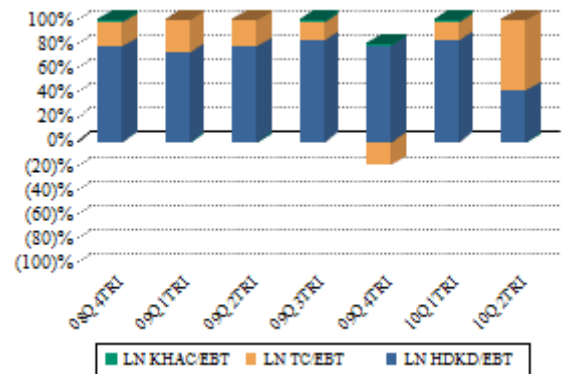
Khoản lợi nhuận này đã làm lợi nhuận thuần từ HĐKD trong Q2 đạt 47,82 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt xấp xỉ 43 tỷ đồng.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, TRI đạt 314 tỷ đồng doanh thu thuần và 14,63 tỷ đồng LNST. Phần lợi nhuận thuộc về cổ đông công ty mẹ là 16,36 tỷ đồng. Cùng kỳ năm trước lỗ 36,7 tỷ đồng.

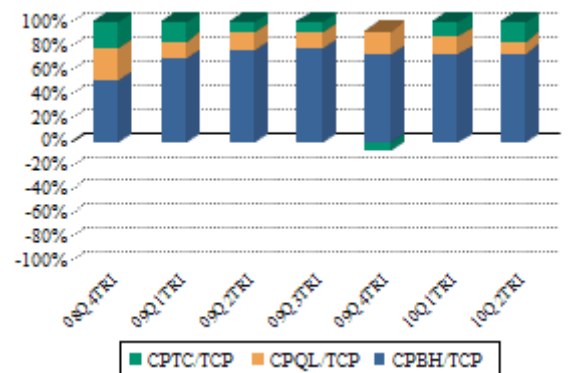
Lợi nhuận trên là không ổn định, mang tính chất trả nợ vay.

Điểm tích cực trong bốn quý gần đây là doanh thu của công ty tăng trong khi hàng tồn kho giảm đều, điều này cho thấy sản phẩm của TRI đã đáp ứng được nhu cầu thị trường. Đây chỉ là biểu hiện có tính tích cực, hiệu quả thực sự mà nhà đầu tư quan tâm thì chưa rõ ràng.

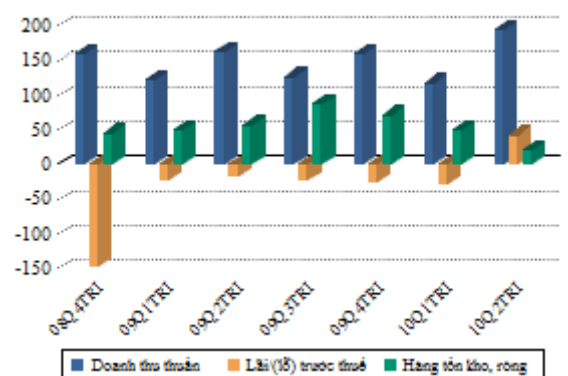
CƠ CẤU LỢI NHUẬN



CƠ CẤU CHI PHÍ



DT - LNTT - HTK ròng



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ số Z hiện tại = 0.71 (Rủi ro tài chính ở mức báo động)

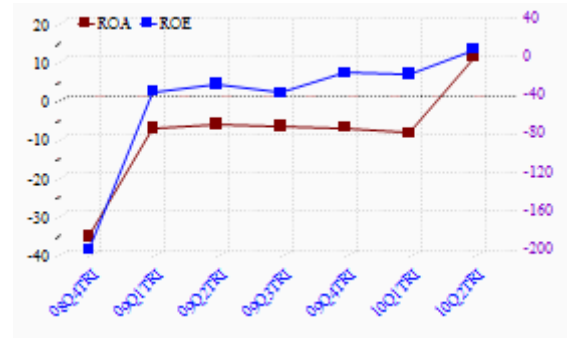
Các chỉ tiêu tài chính của TRI đều cho thấy công ty đang trong giai đoạn khó khăn.

Hiệu số Vốn dài hạn – Tài sản dài hạn khá đẹp, nó cho thấy công ty khó rơi vào trạng thái mất khả năng thanh toán, tuy nhiên nguồn Vốn dài hạn lại là nguồn vốn vay dài hạn từ các công ty thuộc tập đoàn Kinh Đô. Và khi khoản cho vay này giảm xuống còn 0,15 tỷ (có thể do đến hạn thanh toán) thì TRI buộc phải bán tài sản của mình khiến Nguyên giá tài sản cố định giảm gần 60 tỷ.

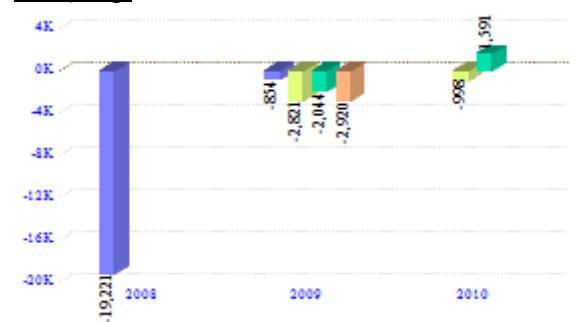
Chỉ số Z vẫn cho thấy công ty đang trong trạng thái Báo động về tình hình tài chính.

Với tình hình công ty như trên, chúng tôi khuyến nghị không đầu tư vào mã cổ phiếu này.

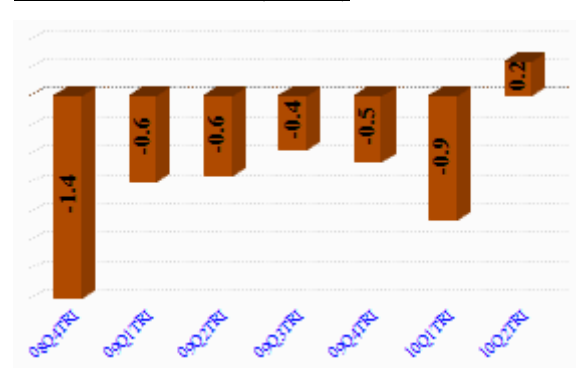
ROA - ROE (%)



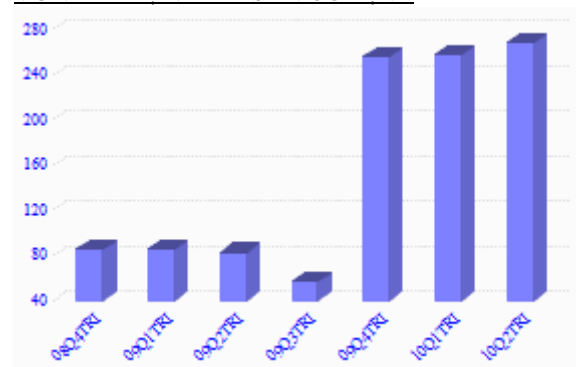
EPS (đồng)



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ Z (Altman)



VỐN DÀI HẠN - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH



CÁC CÔNG TY TRONG NGÀNH (5 CÔNG TY)
Sản xuất đồ uống

	MÃ CK	Giá (đồng) 18/10/2010	EPS (đồng)			ROA 4 Quý (đồng)	Chỉ số Z tạm tính năm nay	Thặng dư vốn/Cổ phiếu lưu hành	P/E hiện tại
			2008	2009	4 quý gần nhất				
1	HAD	38.500	4.118	6.312	6.773	0,31	6.29	0	5.68
2	SCD	24.800	3.005	4.093	4.267	0,24	8.49	0	5.80
3	THB	16.800	1.509	1.694	1.999	0,13	2.14	357	8.40
4	HAT	0	5.611	5.850	0	0,00	0.00		0.00
5	TRI	5.900	-19.208	-3.128	-1.394	-0,73	0.71	173	-4.23

Ghi chú:

Nợ / Tổng tài sản: được tính tại thời điểm cuối quý.

Thặng dư vốn: Được tính tại thời điểm cuối quý.

Cổ phiếu lưu hành: Được tính bình quân 4 quý gần nhất.

Z > 2.99: Doanh nghiệp nằm trong vùng an toàn; 1.8 < Z < 2.99: Doanh nghiệp nằm trong vùng cảnh báo về rủi ro tài chính; Z < 1.8: Báo động về rủi ro tài chính

Lưu ý: Những thông tin và số liệu chúng tôi đưa ra trong bài viết hoàn toàn dựa trên những thông tin minh bạch và báo cáo tài chính đã công bố của doanh nghiệp. Nội dung bài viết chỉ mang tính chất tham khảo, TSS sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ hậu quả nào của việc ra quyết định của nhà đầu tư.